



VISecurities

Báo cáo Ngân Hàng

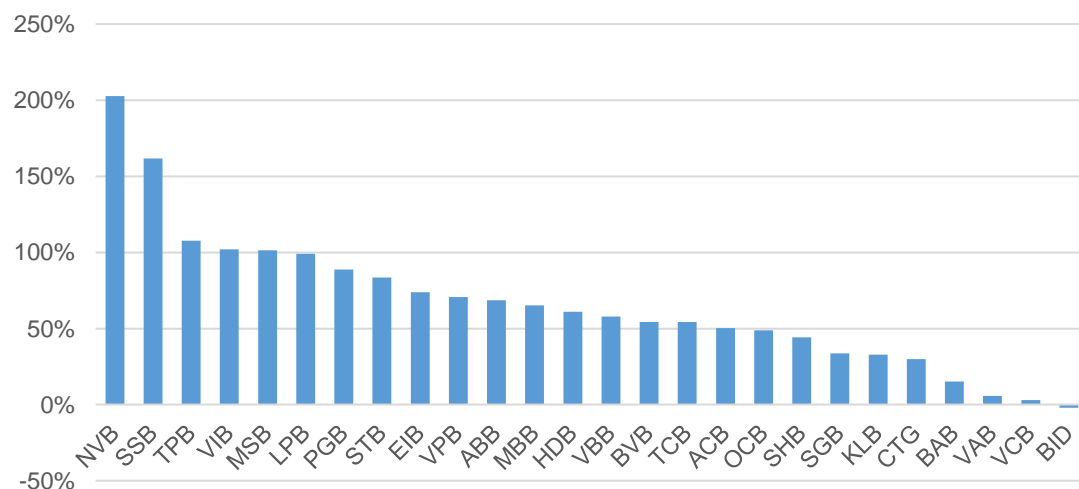
••••

2.2022

Giá cổ phiếu ngân hàng năm 2021



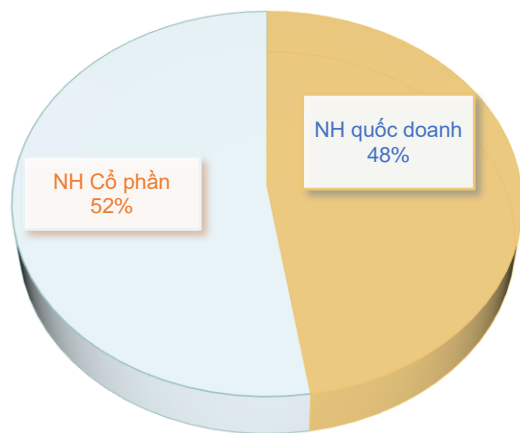
Tăng trưởng giá cổ phiếu NH năm 2021



- Chỉ số Vnindex tăng gần 40% từ mốc 1100 lên trên 1525 năm 2021. riêng cổ phiếu ngân hàng bứt phá tốt hơn với mức tăng trung bình của ngành lên đến 66%.
- NVB** là cổ phiếu nổi bật nhất với mức tăng trưởng hơn 200% từ 10,000 lên trên 33,000 vào cuối năm. Các cổ phiếu ngân hàng khác như **SSB, TPB, VIB, MSB, LPB** có mức tăng giá gấp đôi vào cuối năm.
- Có hơn ½ số cổ phiếu ngân hàng còn lại tăng giá trên **50%** trong năm như **OCB, ACB, MBB, VPB, HDB**.
- Riêng các ngân hàng thương mại nhà nước như BID, CTG, VCB đều có mức tăng khá khiêm tốn trong đó BID gần như đứng giá cả năm và chỉ tăng tốc vào những ngày đầu năm 2022.

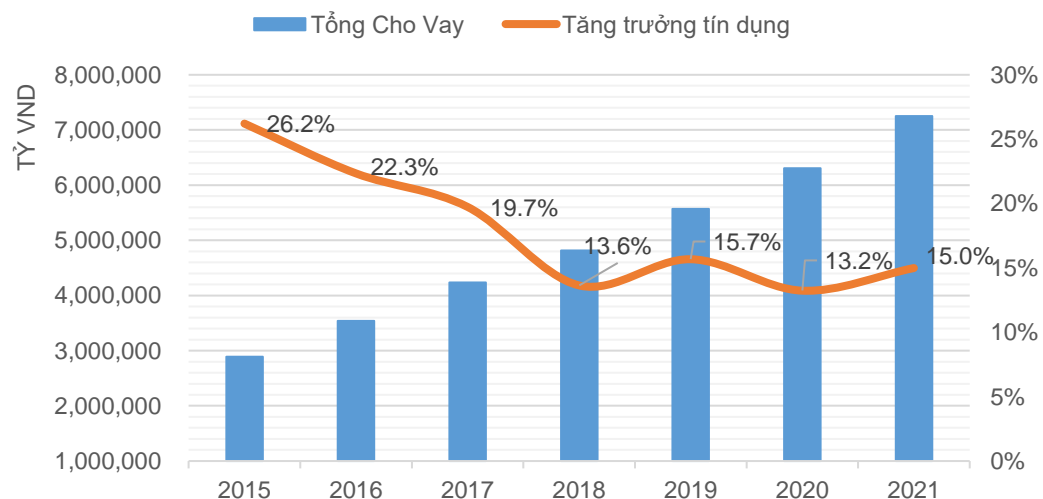
Tăng trưởng tín dụng tăng nhẹ so với 2020 - đạt 15%

TỶ TRỌNG CHO VAY KHỎI NH VỐN NHÀ NƯỚC VÀ PHẦN CÒN LẠI



Trong 2021, tăng trưởng tín dụng của toàn ngành tăng mạnh so với quý 3 từ mức 8% lên 15% cả năm. Động lực tăng trưởng đến từ nhóm ngân hàng VIB, TPB, MSB, OCB trong khi đó nhóm ngân hàng quốc doanh cân bằng giữa cho vay các nhân và doanh nghiệp. Tăng trưởng tín dụng được nới rộng vào cuối năm do các NHTMCP được cấp thêm hạn mức tín dụng cao hơn vào giai đoạn cuối năm. Nhóm ngân hàng bộ ba vốn nhà nước **VCB, BID và CTG** vẫn chiếm tỷ trọng lớn cung cấp vốn cho nền kinh tế với gần 50% trong cả ngành ngân hàng.

Tăng trưởng tín dụng

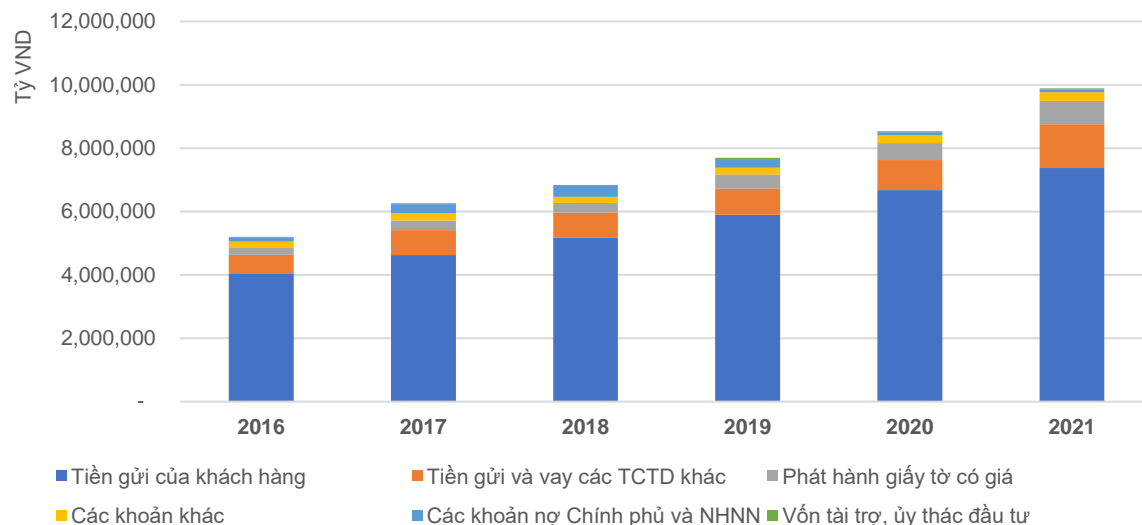


Sau khi nới giãn cách xã hội tại TPHCM và các tỉnh phía nam, trong 2 tháng (10 và 11/2021) khi phần lớn các địa phương mở cửa trở lại, tín dụng tăng gần 3%, bằng gần một nửa 3 quý trước đó, tương đương khoảng 200.000 tỷ đồng. Các ngân hàng đã miễn, giảm, hạ lãi suất cho trên 1,96 triệu khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch với dư nợ hơn 3,87 triệu tỷ đồng

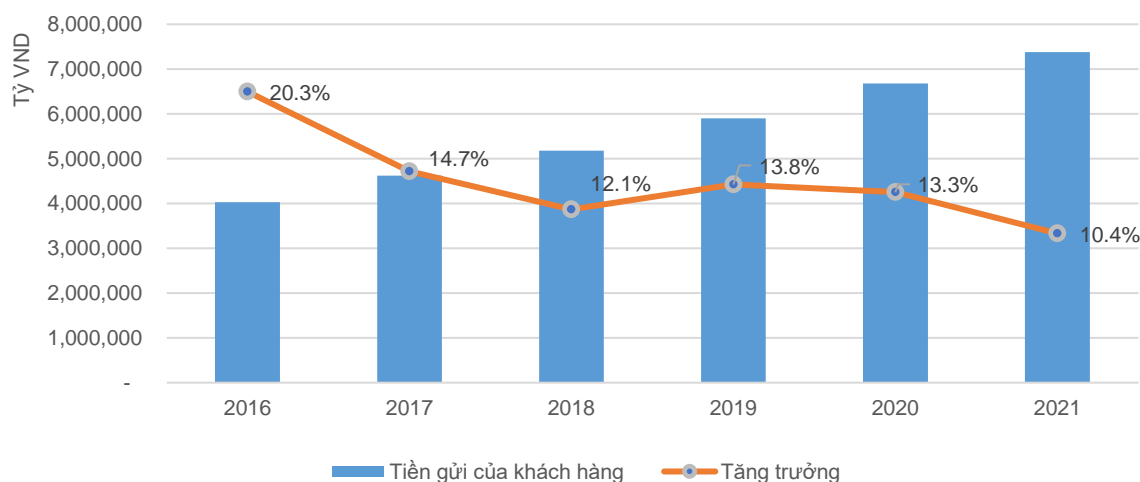
Tổng số tiền lãi lũy kế đến nay tổ chức tín dụng đã miễn, giảm, hạ cho khách hàng khoảng 34.900 tỷ đồng.

Huy động vốn từ tiền gửi khách hàng chậm lại

Cấu trúc huy động vốn



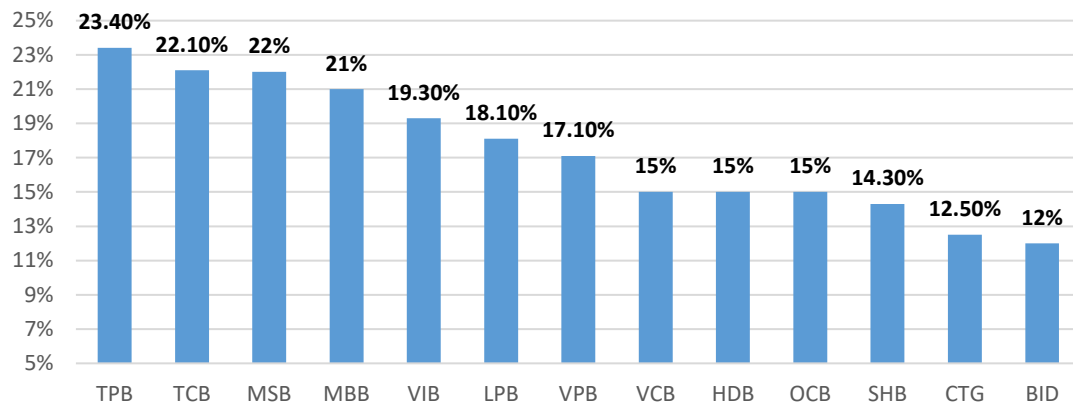
Tăng trưởng tiền gửi khách hàng



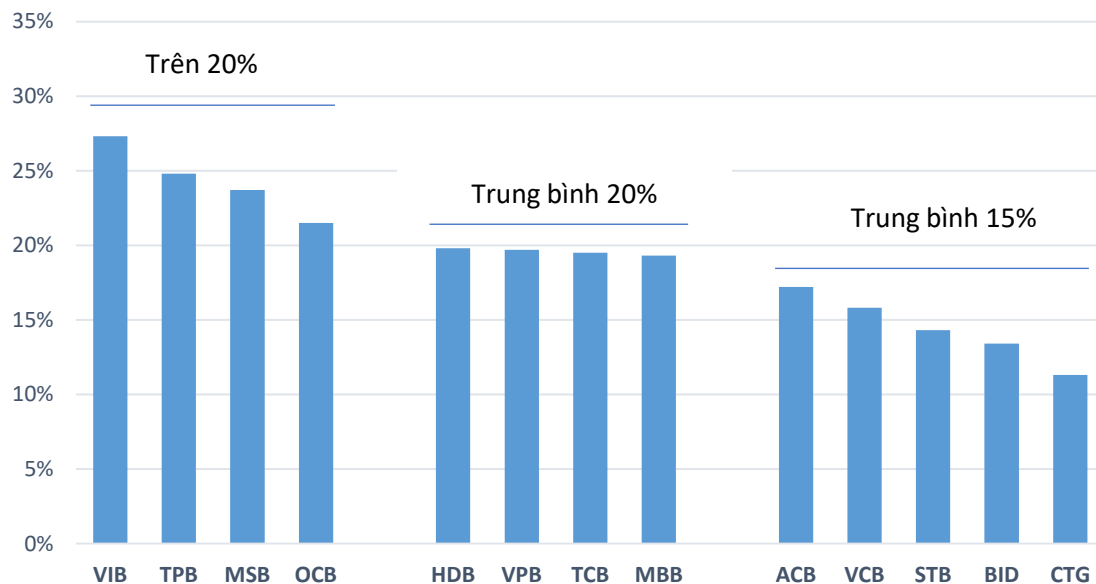
- Kênh huy động chính hàng năm của ngân hàng vẫn chủ yếu đến từ **tiền gửi khách hàng** với tỷ trọng khoảng 75% - 78% ổn định trong 5 năm gần nhất. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác có dấu hiệu tăng mạnh trong năm nay lên 14% so với mức 11% các năm trước.
- Tăng trưởng tiền gửi khách hàng giảm nhẹ trong 3 năm gần đây. Mức tăng trưởng duy trì khoảng 13% nhưng đã giảm mạnh xuống 10.4% trong năm nay mà một phần nguyên nhân lớn đến từ lãi suất huy động thấp trong khi các kênh chứng khoán, tiền số gia tăng mạnh thu hút dòng tiền nhàn rỗi chuyển sang.
- Tỷ lệ tiền gửi khách hàng chỉ tăng dần vào các tháng cuối năm 2021 khi hoạt động đầu tư tài chính hạ nhiệt và lãi suất huy động nhích nhẹ dần lên.

Room tăng trưởng tín dụng các NH

Room tăng trưởng tín dụng các NH 2021



CAGR tăng trưởng tín dụng 5 năm



- NHNN đã thực hiện nới room tăng trưởng tín dụng 2 lần vào Q3 và Q4 năm 2021 đặc biệt là các tháng cuối năm để kéo tăng trưởng tín dụng toàn ngành.
- Các tiêu chí xét cấp tín dụng dựa vào sức mạnh tài chính như VCSH (hệ số CAR) và khả năng quản trị rủi ro như chuẩn mực Basel II. Các ngân hàng có độ tin cậy với hệ số CAR và mô hình quản trị rủi ro tốt như OCB, TCB, TPB, MSB, MBB, ACB, VIB ... sẽ được ưu tiên cấp hạn mức tín dụng cao hơn trung bình ngành trong dài hạn.
- Nhờ tăng hạn mức mà nhiều ngân hàng đã đạt mức tăng trưởng tín dụng CAGR 5 năm ở mức trên 20% nổi bật như **VIB, TPB, MSB, OCB** cùng với HDB, VPB, TCB và MBB đều là những ngân hàng có mức độ tăng trưởng tín dụng vượt trội so với mức trung bình của ngành.

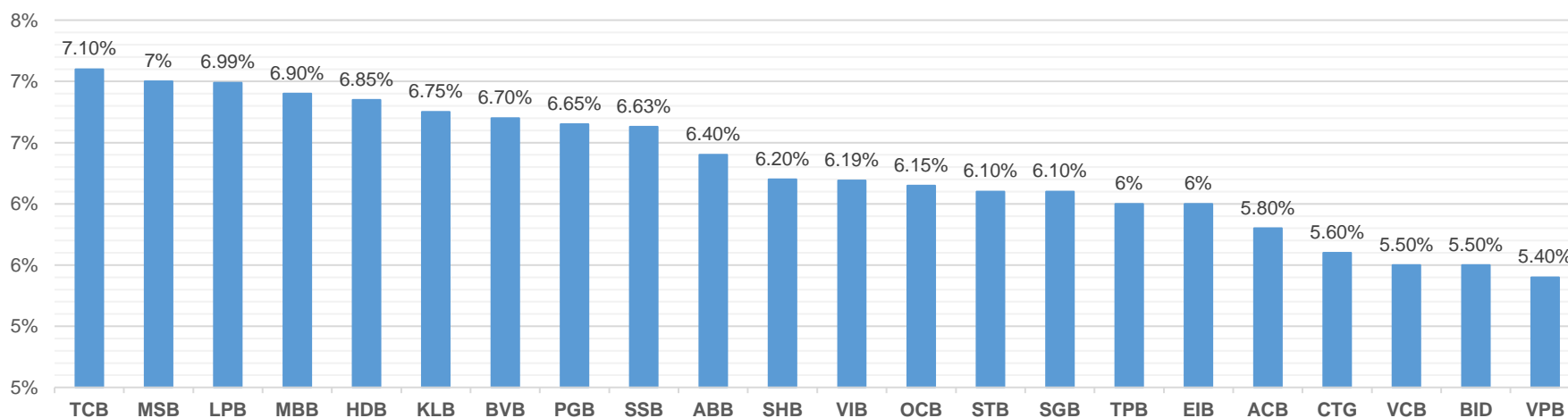
Xu hướng lãi suất huy động năm 2022

Xu hướng lãi suất tiết kiệm đã bắt đầu tăng dần từ đầu tháng 11/2021 khi nhu cầu vốn gia tăng vào dịp tết dẫn đến hoạt động thu hút vốn các ngân hàng nhộn nhịp hơn. Tuy nhiên, lãi suất tăng mới chỉ xuất hiện tại một số ngân hàng vừa và nhỏ.

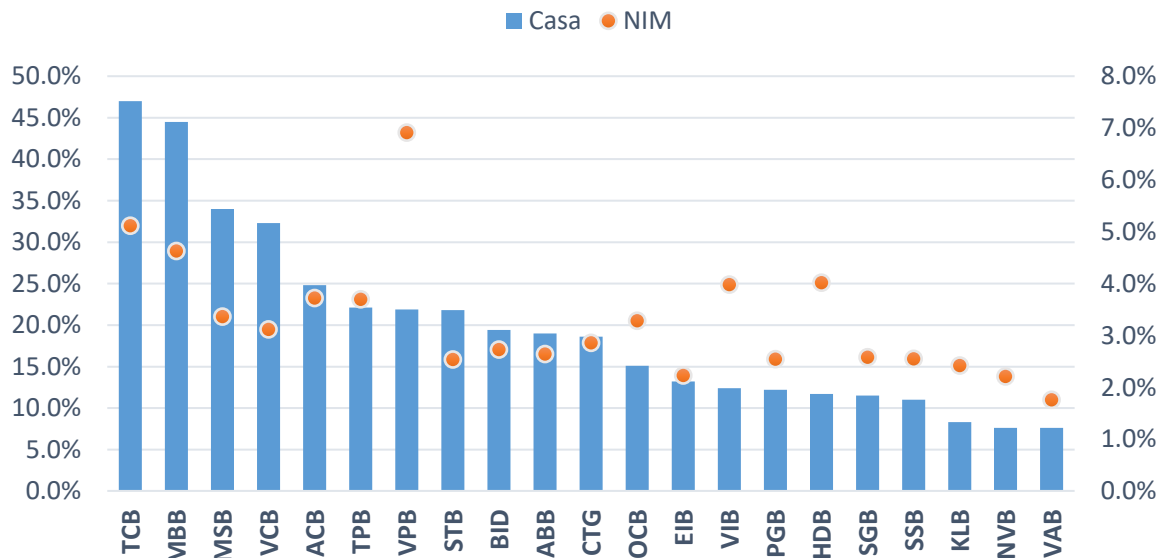
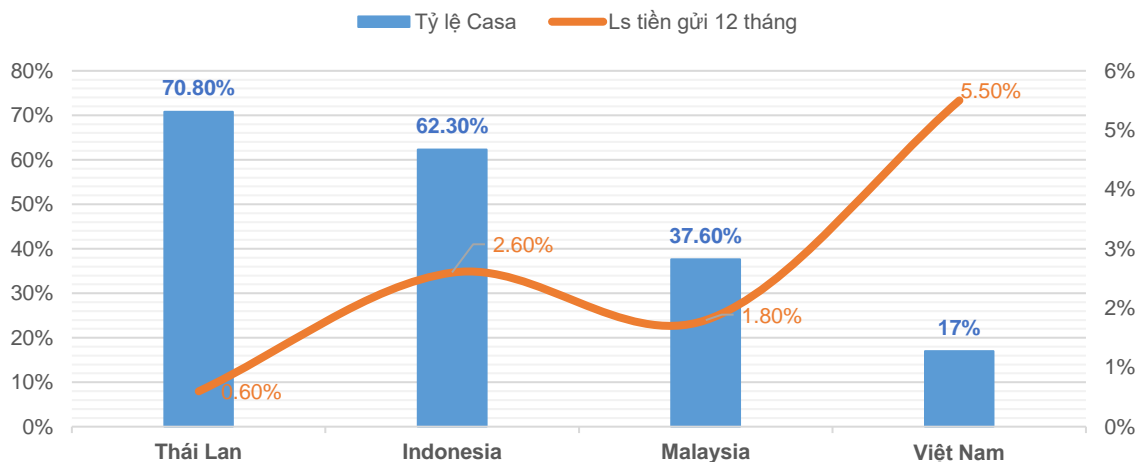
Nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước chưa điều chỉnh nhiều lãi suất trong tháng 12. Lãi suất trung bình kỳ hạn 6 tháng tiếp tục được duy trì ở mức 3,775%/năm trong tháng thứ 7 liên tiếp; trong khi lãi suất kỳ hạn 12 tháng vẫn đang không thay đổi ở mức 4,95%/năm sau 5 tháng.

Lãi suất huy động nhiều khả năng sẽ tăng nhẹ trở lại từ 0,25-0,6% trong năm nay trong bối cảnh lạm phát có thể trở lại và nhu cầu vốn của nền kinh tế tăng mạnh. Lãi suất cho vay dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức cao tương đối chứ khó có thể giảm thêm trong năm nay.

Lãi suất tiết kiệm cao nhất tháng 1.2022 (%/năm)



Tỷ lệ lãi suất các quốc gia Đông Nam Á

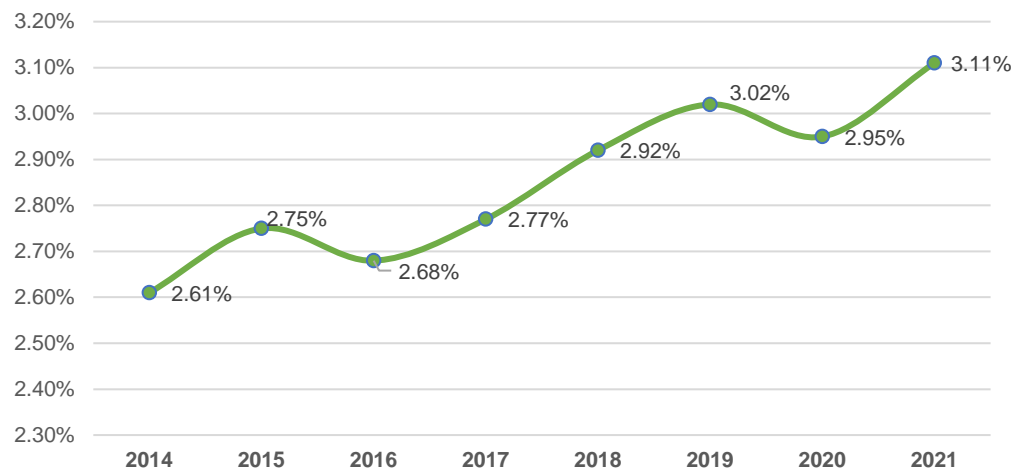


Tỷ lệ Casa ngân hàng năm 2021 đạt trung bình 17% do một phần lãi suất tiền gửi đang ở mức thấp và một phần lớn dòng vốn chuyển vào chứng khoán và các kênh đầu tư tài chính. Ngân hàng nào có tỷ lệ CASA càng cao thì càng có lợi thế lớn trong cuộc cạnh tranh lãi suất cho vay cũng như có nhiều cơ hội cải thiện tỷ lệ thu nhập lãi thuần. Các Ngân hàng có tỷ lệ Casa sao như TCB, MBB, MSB đều có tỷ lệ NIM cao hơn các ngân hàng có tỷ lệ Casa thấp. Hầu hết các ngân hàng năm nay có Casa dưới 20% đều có tỷ lệ NIM ở mức 2.5% - 3%. Số dư CASA của ngân hàng đến từ nhiều nguồn khác nhau như từ hoạt động thanh toán chi tiêu hàng ngày, hoạt động tích lũy hay hoạt động đầu tư

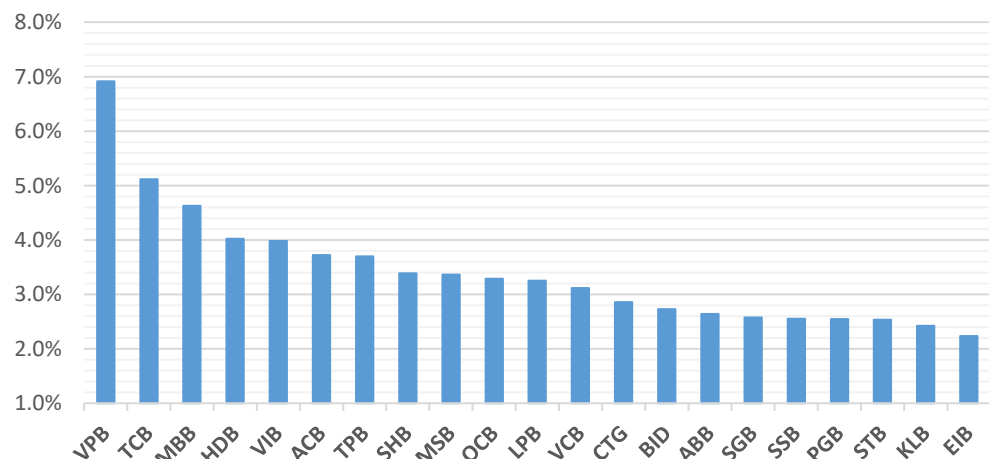
Để tăng tỷ lệ Casa, các ngân hàng đang cạnh tranh tăng cường áp dụng số hóa giúp khách hàng thuận tiện trong chức năng thanh toán từ đó thu hút được tệp khách hàng rộng lớn. Chức năng số hóa còn giúp Ngân hàng giảm chi phí hoạt động và tăng chất lượng tài sản, từ đó góp phần làm giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng.

Tỷ lệ NIM

NIM trung bình của các NH niêm yết



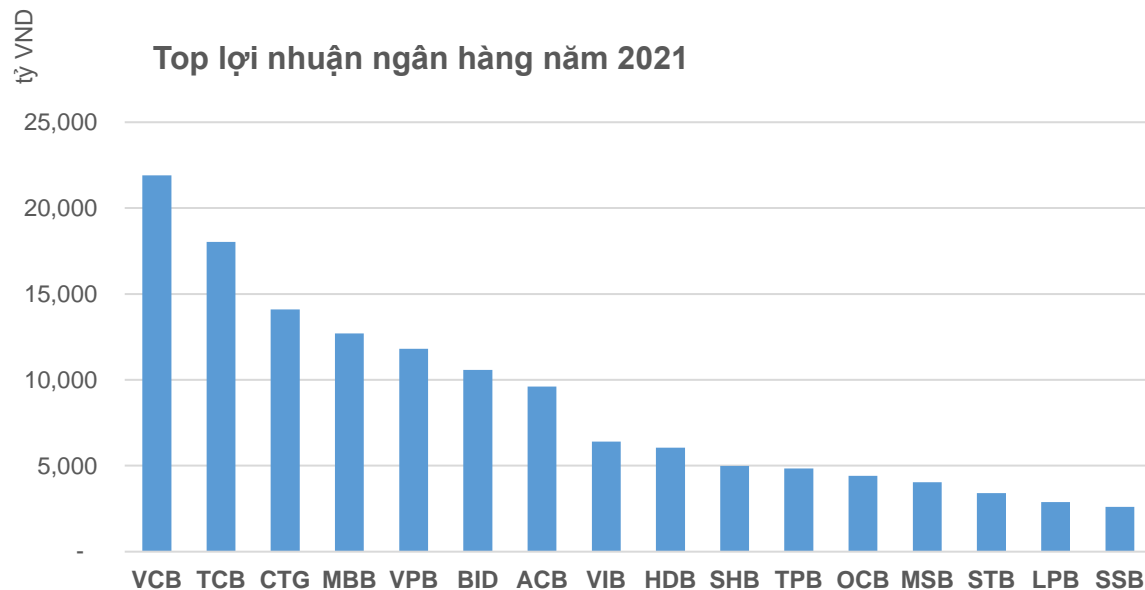
NIM



Năm nay tỷ lệ NIM của các ngân hàng tăng trở lại mức trung bình trên 3% nhờ chi phí vốn giảm sâu hơn mức giảm tỷ suất sinh lời trung bình của tài sản. Mặt bằng chung lãi suất đầu vào các ngân hàng đã giảm từ giữa 2020 trong khi mức giảm của lãi suất cho vay lại không đồng pha tạo nên biên chênh lệch có lợi cho các ngân hàng. Tuy nhiên đà tăng của NIM chậm lại từ quý III và nhiều ngân hàng đã tăng cường các gói hỗ trợ lãi suất để cung cấp vốn cho giai đoạn cuối năm.

Tỷ lệ NIM của các ngân hàng có thể tăng chậm lại các quý đầu năm 2022 khi các ngân hàng tăng dần lãi suất huy động. Ngoài ra trong thời gian tới nhiều ngân hàng tăng cường áp dụng tiêu chuẩn Basel III thì việc nâng cao các tiêu chuẩn về an toàn vốn, dự trữ bắt buộc cũng sẽ tác động lên NIM. Bù lại các ngân hàng sẽ càng gia tăng số hóa để huy động các nguồn vốn giá rẻ bù lại.

Lợi nhuận ngân hàng tăng bình quân trên 60%

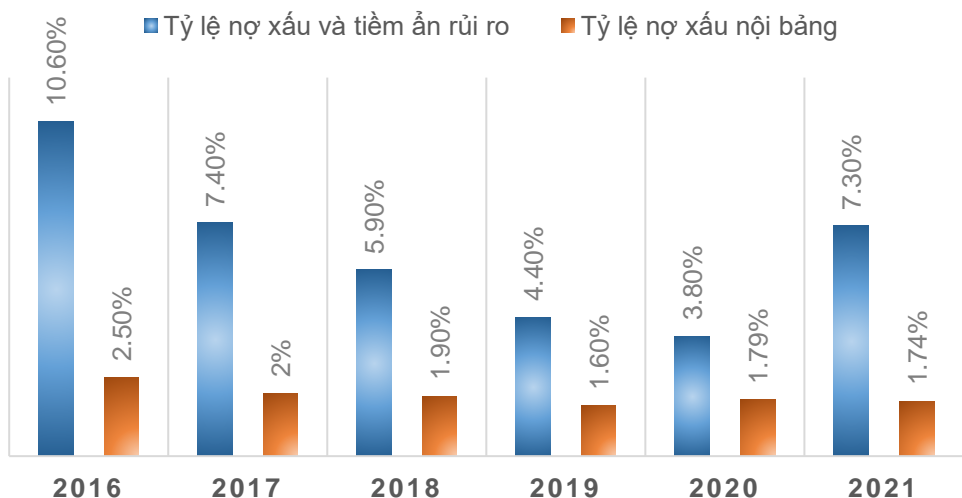
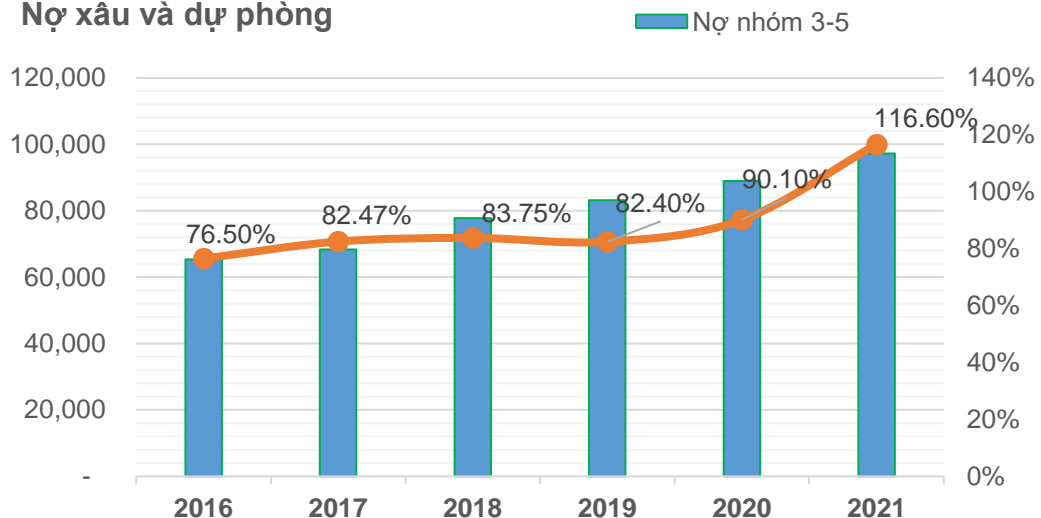


NH	Tăng trưởng LN 2021	Tăng trưởng LN 2020	Tăng trưởng LN 2019
TCB	46.4%	18.8%	22.3%
CTG	2.9%	44.7%	74.8%
MBB	53.7%	5.6%	28.0%
VPB	13.4%	26.1%	12.3%
ACB	25.0%	27.8%	17.0%
VIB	38.1%	42.1%	48.9%
HDB	42.5%	17.9%	26.8%
SHB	91.1%	7.8%	44.6%
TPB	37.6%	13.5%	71.4%
OCB	24.6%	36.9%	46.6%
MSB	100.6%	92.7%	20.2%

- Lợi nhuận cổ phiếu ngân hàng năm nay tăng trung bình 60% - là năm có lợi nhuận tăng trưởng cao nhất so với mức 20% của năm 2020 hay 41% năm 2019.
- Khá nhiều ngân hàng có mức tăng gần 100% hầu hết đến từ nhóm ngân hàng tầm trung và nhỏ như MSB, KLB, VAB, SHB, SSB. Nhiều ngân hàng đạt lợi nhuận cao như trường hợp KLB nhờ hoạt động thoái vốn ngân hàng để xóa sổ hữu chéo.
- Một số ngân hàng duy trì độ tăng trưởng cao và bền vững qua các năm đáng chú ý như **TCB, MBB, ACB, VIB, HDB, TPB, OCB, MSB** với mức tăng lợi nhuận duy trì trên 30% trung bình mỗi năm.
- Nhóm ngân hàng đầu bảng VCB có mức tăng trưởng lợi nhuận 19%, CTG 3% và BID khá nhất trên 51%.

Nợ xấu toàn hệ thống tăng hơn 9.3%

Nợ xấu và dự phòng



Tỷ lệ nợ xấu & tiềm ẩn rủi ro: bao gồm nợ xấu công bố, tồn đọng, đã bán VAMC và dư nợ tái cơ cấu (NHNN công bố)

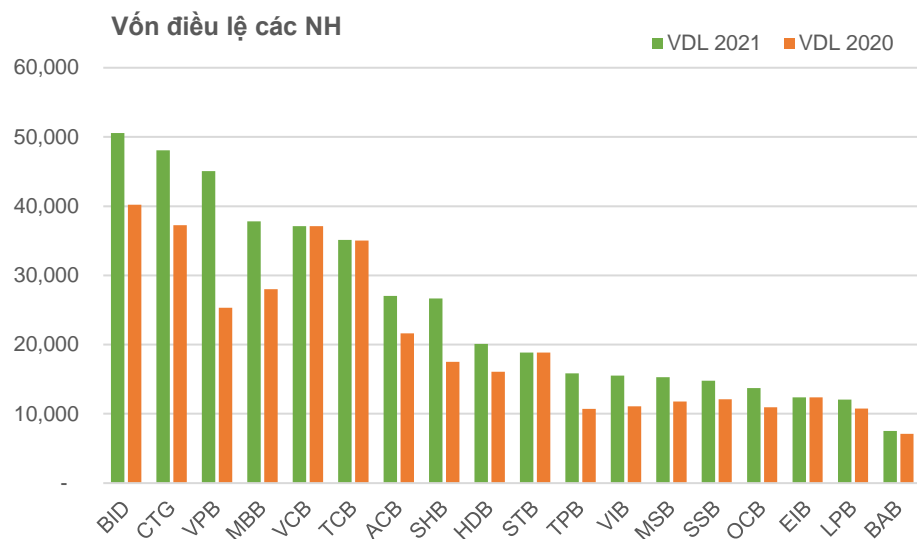
- Tỷ lệ nợ xấu theo bao gồm các khoản công bố, tồn đọng, đã bán VAMC, dư nợ tái cơ cấu hiện khoảng 7.3% theo thống kê của NHNN – đây là tỷ lệ khá cao và gần với mức năm 2017.
- Dù tỷ lệ Nợ xấu nội bảng năm 2021 các ngân hàng giảm nhẹ nhưng về số tuyệt đối vẫn tăng khoảng 8,300 tỷ, tăng khoảng 9.3% so với cùng kỳ. Các ngân hàng bỏ ra gần 142 ngàn tỷ để dự phòng nợ xấu – tăng 58% so với con số dự phòng của năm 2020. Số dự phòng này có thể bao gồm dự phòng nợ cơ cấu do dịch bệnh nên năm sau khi nợ cơ cấu giảm thì ngân hàng sẽ được hoàn nhập.
- Một số khoản nợ xấu có tài sản đảm bảo phần lớn đến từ bất động sản khá an toàn. Giá bất động sản hiện nay vẫn đang tăng trưởng và có tính thanh khoản cao vì vậy khả năng thu hồi nợ xấu không quá áp lực với các ngân hàng như giai đoạn trước.

Các ngân hàng gia tăng mạnh trích lập dự phòng

NH	Tỷ lệ nợ xấu	Dự phòng 2021	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	Tăng dự phòng
VCB	0.64%	25,975,668	424.4%	35.0%
MBB	0.90%	8,757,684	268.0%	101.1%
BID	0.98%	29,055,081	219.4%	52.5%
ACB	0.77%	5,861,588	209.4%	98.7%
CTG	1.26%	25,795,001	180.4%	105.4%
TCB	0.66%	3,735,663	162.9%	68.7%
BAB	0.77%	1,060,112	161.8%	29.0%
TPB	0.82%	1,765,292	152.6%	-7.4%
STB	1.47%	6,917,279	120.9%	27.8%
LPB	1.33%	3,170,702	114.2%	40.0%
SHB	1.43%	4,959,945	96.0%	44.3%
MSB	1.74%	1,686,808	95.4%	100.1%
SSB	1.65%	1,781,617	84.7%	60.7%
OCB	1.32%	1,116,100	82.7%	19.1%
HDB	1.65%	2,452,068	73.0%	26.7%
VPB	4.47%	9,674,247	60.9%	115.1%
EIB	1.96%	1,366,550	60.8%	6.8%
BVB	2.53%	700,505	59.6%	22.6%
VAB	1.86%	600,466	59.4%	5.2%
NVB	3.00%	691,615	55.4%	50.9%
ABB	2.06%	741,042	52.1%	5.1%
VIB	2.32%	2,400,324	51.4%	37.3%
KLB	1.89%	366,816	50.5%	25.1%
SGB	1.97%	161,960	49.8%	38.7%
VBB	3.65%	917,692	49.7%	101.2%

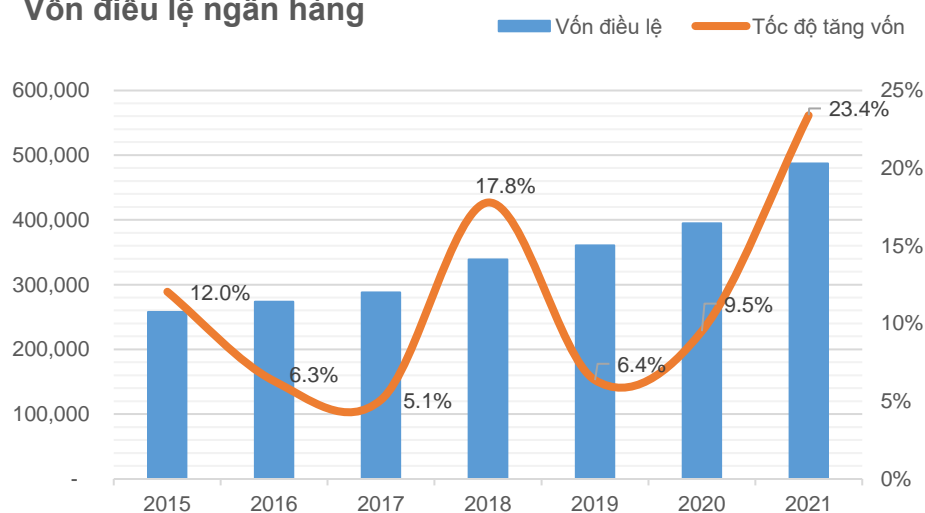
- Các ngân hàng tăng cường trích lập dự phòng nợ xấu bao phủ 116% so với mức 90% của năm trước. Một số ngân hàng như VCB có mức trích lập lên đến 424%. MBB cũng tăng trích lập hơn 8700 tỷ lên 268%. Các ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao như VPB, MSB cũng tăng hơn 100% con số trích lập dự phòng.
- Các ngân hàng đã trích lập dự phòng tạo bộ đệm chống đỡ tốt hơn cho các rủi ro biến cố lớn có thể xảy đến trong tương lai. Kết quả lợi nhuận cả năm của ngành ngân hàng cả năm 2021 dù rất khả quan nhưng cũng chưa đánh giá hết thực chất do một phần lớn để dành vào việc dự phòng nợ xấu. Các ngân hàng đã trích lập đầy đủ các khoản vay tái cơ cấu như VCB, CTG, TCB, ACB, MBB... sẽ có triển vọng tích cực hơn các ngân hàng khác.

Tăng vốn trong năm các NH



- Trong năm 2021, các ngân hàng đã tăng vốn hơn 23% tổng cộng hơn 92 ngàn tỷ đồng. Đây là năm có tốc độ tăng vốn mạnh mẽ nhất và vượt qua cả năm 2018.
- Các ngân hàng có mức tăng vốn mạnh nhất trong năm đáng kể nhất là VPB (tăng 78%), SHB (52%), TPB (48%), VIB (40%), MBB (35%).
- Top đầu vốn điều lệ đã xuất hiện các gương mặt mới như VPB, MBB, TCB.
- Câu chuyện tăng vốn của các ngân hàng sẽ còn tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2022 mà đáng chú ý nhất là các ngân hàng có vốn nhà nước chi phối như VCB. Việc tăng vốn ngoài việc giúp các ngân hàng gia tăng vốn chủ sở hữu, cải thiện hệ số an toàn vốn CAR còn là chỉ tiêu được cấp hạn mức tín dụng và đảm bảo sớm hoàn thành các chỉ tiêu Basel II, III.

Vốn điều lệ ngân hàng

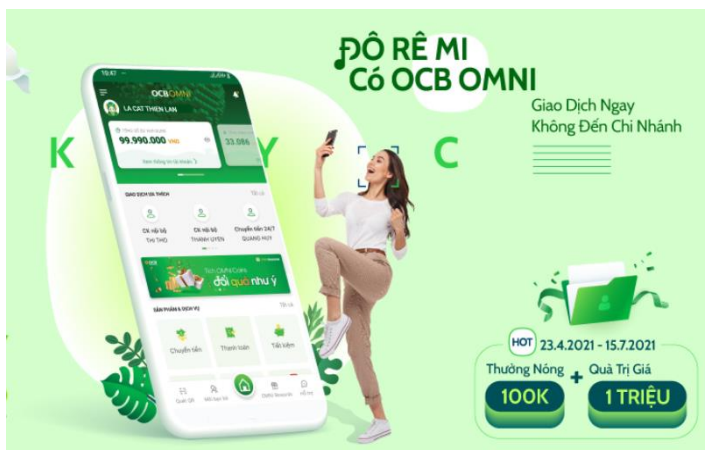


Kế hoạch tăng vốn 2022



- Vietcombank sẽ phát hành hơn 1,02 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2019 với tỷ lệ 27,6%. Sau phát hành, vốn điều lệ Vietcombank sẽ tăng thêm 10.236 tỷ đồng, lên hơn 47.325 tỷ đồng. Vietcombank còn có kế hoạch phát hành gần 308 triệu cổ phiếu riêng lẻ, tương đương 6,5% vốn điều lệ cho tối đa 99 nhà đầu tư, qua đó nâng vốn điều lệ lên hơn 50.401 tỷ đồng. Ngân hàng có kế hoạch nâng vốn điều lệ lên 54.134 tỷ đồng trong thời gian tới thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu.
- OCB, Ngân hàng sẽ chào bán riêng lẻ 70 triệu cổ phiếu cho các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua. OCB đang tạm thời giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài ở mức 21,8% nhằm chuẩn bị cho sự tham gia nhiều hơn của các cổ đông nước ngoài.
- ACB, MB, VIB, OCB có kế hoạch chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ khoảng 20% để tăng vốn điều lệ trong năm 2022. MBB dự kiến tăng vốn điều lệ trên 45 ngàn tỷ trong năm 2022.
- MSB sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chia cổ tức năm 2021, tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu, qua đó tăng vốn điều lệ.

Xu hướng cạnh tranh các ngân hàng qua công nghệ



Việc tăng cường áp dụng số hóa đã giúp Ngân hàng giảm chi phí hoạt động và tăng chất lượng tài sản, từ đó góp phần làm giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng. Nhiều ngân hàng chi nhiều triệu USD để phát triển hệ thống core banking để giúp khách hàng dễ dàng kết nối và thanh toán tự động trên nền tảng di động. Một số công nghệ đang được các ngân hàng áp dụng thời gian gần đây như:

- Phê duyệt trước khoản vay: ngân hàng thực hiện liên kết với các đơn vị đối tác để thực hiện đánh giá khách hàng và đề xuất các dịch vụ và tiện ích phù hợp cho khách hàng lựa chọn.
- Mở rộng nền tảng Corebanking mở - Open API
- eKYC – công nghệ xác minh nhân dạng từ xa.
- Robot hóa một số thao tác và nghiệp vụ đơn giản.
- Mở rộng thanh toán và kết nối ví điện tử với các công ty tài chính, các hệ thống doanh nghiệp, tập đoàn, trường học nhằm tạo một hệ sinh thái thanh toán liên thông.

Đánh giá ngành ngân hàng năm 2022

	Giá	Tăng trưởng giá 2021	Giá mục tiêu 2022
VCB	89,000	3.1%	115 - 125
CTG	36,900	29.9%	45 - 55
TCB	52,800	54.2%	60 - 70
VPB	36,700	70.6%	45 - 55
BID	48,000	-2.1%	55 - 60
MBB	33,700	65.3%	40 - 50
ACB	34,600	50.2%	40 - 45
SHB	22,500	44.2%	25 - 30
STB	35,600	83.4%	35 - 40
HDB	30,900	61.1%	35 - 40
TPB	42,000	107.8%	45 - 55
VIB	47,600	102.1%	50 - 55
MSB	27,200	101.4%	30 - 35
OCB	27,700	48.9%	30 - 35
SSB	39,300	161.7%	40 - 45
EIB	37,500	73.8%	38 - 45
LPB	25,000	99.1%	30 - 35

Cổ phiếu ngân hàng đã có sự bứt phá rất tốt trong năm 2021 với mức tăng trung bình 66% so với 40% của Vnindex. Sự tăng trưởng này gợi nhớ đến giai đoạn 2018 khi thời điểm đó nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng tăng tốc rất mạnh trong giai đoạn tăng vốn.

Thương trường sau khi tăng vốn, các ngân hàng sẽ đi ngang và suy yếu trong khoảng thời gian 2 năm. Tuy nhiên ở thời điểm hiện tại cổ phiếu ngân hàng trong năm 2022 tiếp tục sẽ là nhóm ngành chủ đạo quan trọng của thị trường dù mức độ tăng trưởng về giá có thể chậm hơn so với năm 2021.

Lợi nhuận nhóm ngân hàng năm 2022 dự báo tiếp tục khả quan nhờ nhu cầu vốn tăng mạnh trở lại và đến một phần từ các khoản trích lập dự phòng lớn từ năm 2021 trở về trước.

Định giá cổ phiếu ngân hàng vẫn ở mức hấp dẫn với PE trung bình 16 và P/Bv 2.1. Các nhóm cổ phiếu **VCB, BID, CTG, MBB, OCB, TCB, VPB, LPB, STB, HDB, VIB** dự báo sẽ là những ngân hàng nổi bật nhất trong ngành. Trong đó sự kỳ vọng giá cổ phiếu sẽ tăng trưởng trung bình từ 20% - 30% dựa vào dự phóng kết quả kinh doanh năm 2022.

Định giá các ngân hàng

	Chất lượng tài sản		Đầu tư	Giá CP	Vốn chủ sở hữu	EPS	BV	P/E	P/Bv	NIM	ROE	Nợ Xấu	LLR	TS/VCSH
VCB	Lành mạnh	Mua		89,000	111,171	5,907	29,974	15.1	2.97	3.1%	19.7%	0.64%	424.4%	12.7
CTG	Lành mạnh	Mua		36,900	93,653	2,932	19,488	12.6	1.89	2.9%	15.0%	1.26%	180.4%	16.4
TCB	Lành mạnh	Mua		52,800	93,056	5,138	26,505	10.3	1.99	5.1%	19.4%	0.66%	162.9%	6.1
VPB	Trung bình	Mua		36,700	86,451	2,621	19,187	14.0	1.91	6.9%	13.7%	4.47%	60.9%	6.3
BID	Lành mạnh	Mua		48,000	86,367	2,090	17,073	23.0	2.81	2.7%	12.2%	0.98%	219.4%	20.4
MBB	Lành mạnh	Mua		33,700	62,486	3,361	16,538	10.0	2.04	4.6%	20.3%	0.90%	268.0%	9.7
ACB	Lành mạnh	Mua		34,600	44,901	3,554	16,618	9.7	2.08	3.7%	21.4%	0.77%	209.4%	11.8
SHB	Trung bình	Mua		22,500	35,676	1,868	13,375	12.0	1.68	3.4%	14.0%	1.43%	96.0%	14.2
STB	Trung bình	Khả quan		35,600	34,261	1,810	18,174	19.7	1.96	2.5%	10.0%	1.47%	120.9%	15.2
HDB	Trung bình	Khả quan		30,900	30,790	3,016	15,339	10.2	2.01	4.0%	19.7%	1.65%	73.0%	12.2
TPB	Lành mạnh	Mua		42,000	25,988	3,054	16,430	13.8	2.56	3.7%	18.6%	0.82%	152.6%	11.3
VIB	Trung bình	Khả quan		47,600	24,291	4,127	15,640	11.5	3.04	4.0%	26.4%	2.32%	51.4%	12.7
MSB	Trung bình	Khả quan		27,200	22,038	2,641	14,427	10.3	1.89	3.4%	18.3%	1.74%	95.4%	9.2
OCB	Lành mạnh	Mua		27,700	21,805	3,216	15,917	8.6	1.74	3.3%	20.2%	1.32%	82.7%	8.5
SSB	Trung bình	Khả quan		39,300	18,663	1,763	12,623	22.3	3.11	2.6%	14.0%	1.65%	84.7%	11.3
EIB	Trung bình	Bán trên 40		37,500	17,785	781	14,395	48.0	2.61	2.2%	5.4%	1.96%	60.8%	9.3
LPB	Trung bình	Mua		25,000	16,802	2,387	13,960	10.5	1.79	3.3%	17.1%	1.33%	114.2%	17.2
ABB	Không đánh giá	Không đánh giá		23,000	11,729	2,238	16,828	10.3	1.37	2.6%	13.3%	2.06%	52.1%	10.4
BAB	Không đánh giá	Không đánh giá		22,500	9,051	964	12,018	23.3	1.87	1.8%	8.0%	0.77%	161.8%	13.2
VAB	Không đánh giá	Không đánh giá		14,800	6,381	1,477	14,341	10.0	1.03	1.8%	10.3%	1.86%	59.4%	15.8
VBB	Không đánh giá	Không đánh giá		17,400	5,741	1,058	12,017	16.4	1.45	1.5%	8.8%	3.65%	49.7%	18.1
KLB	Không đánh giá	Không đánh giá		27,600	4,679	2,109	12,810	13.1	2.15	2.4%	16.5%	1.89%	50.5%	17.9
BVB	Không đánh giá	Không đánh giá		20,900	4,639	678	12,638	30.8	1.65	2.0%	5.4%	2.53%	59.6%	16.5
NVB	Không đánh giá	Không đánh giá		32,000	4,264	3	10,397		3.08	2.2%	0.0%	3.00%	55.4%	17.3
PGB	Không đánh giá	Không đánh giá		30,100	4,182	878	13,940	34.3	2.16	2.5%	6.3%	2.24%	36.9%	9.7
SGB	Không đánh giá	Không đánh giá		18,200	3,709	398	12,042	45.7	1.51	2.6%	3.3%	1.97%	49.8%	6.6

Số liệu Q4.2021. Giá thời điểm 28.1.2022



Ngân hàng ngoại thương

EPS: 5907 PE: 15.1

BV: 29,974 P/Bv: 2.9

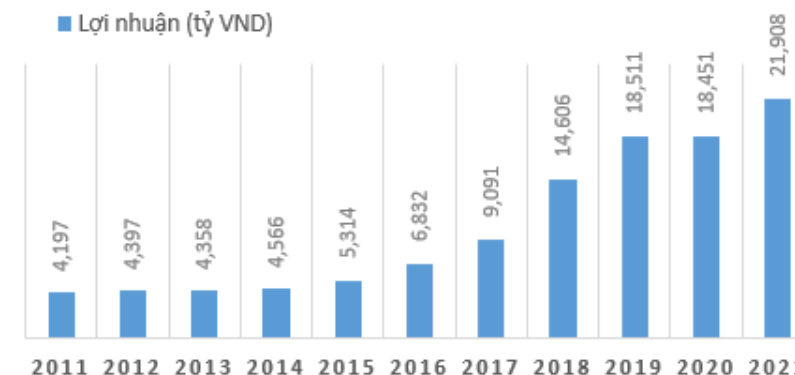
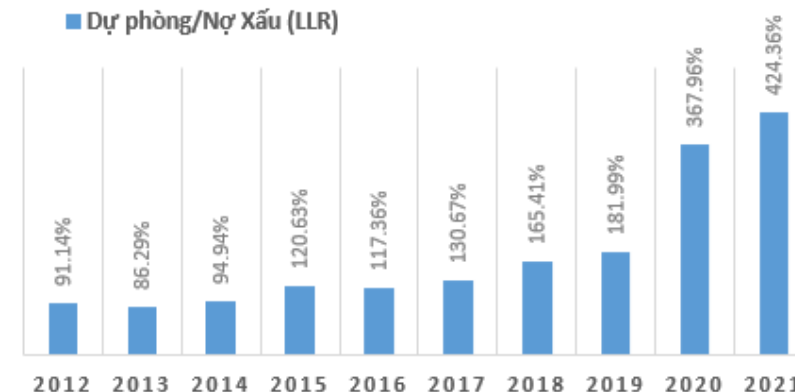
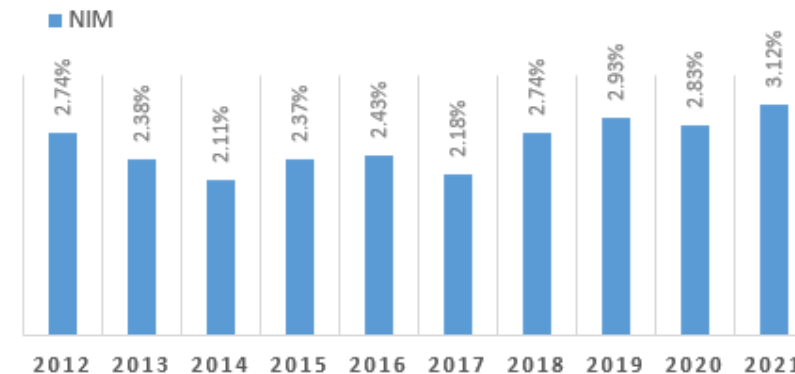
Khuyến nghị: Mua

Giá mục tiêu: 115- 120 (30%)

Vietcombank được đánh giá là ngân hàng tốt nhất trong hệ thống với lợi thế ngành không ngân hàng có thể có được. Trong năm 2021, VCB đã trích 7.000 tỷ đồng lợi nhuận để giảm lãi suất cho vay, gấp hai lần quy mô hỗ trợ năm 2020. Quy mô dư nợ cho vay bị ảnh hưởng được giữ nguyên nhóm là 10.537 tỷ đồng (nợ gốc hơn 9.000 tỷ đồng). Với tỷ lệ bao phủ nợ xấu năm 2021 đạt kỷ lục 424%, Vietcombank đã trích lập đủ cho nợ cơ cấu vì Covid-19 trước 2 năm so với thời hạn.

Với ba trụ cột là bán lẻ, dịch vụ và đầu tư, VCB đặt mục tiêu năm 2022 tổng tài sản tăng 8%, dư nợ tín dụng tăng 12% so với cuối 2021 và lợi nhuận tăng 12%.

VCB đang đề xuất có lộ trình tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên mức 35% so với mức 30% như hiện nay. Ngân hàng có kế hoạch nâng vốn điều lệ lên 54.134 tỷ đồng trong năm nay thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu.





Ngân hàng Phương Đông

EPS: 3216 PE: 8.6

BV: 15,917 P/Bv: 1.74

Khuyến nghị: Mua

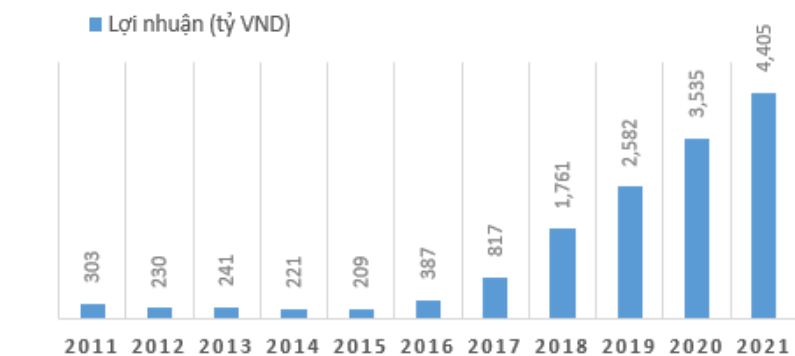
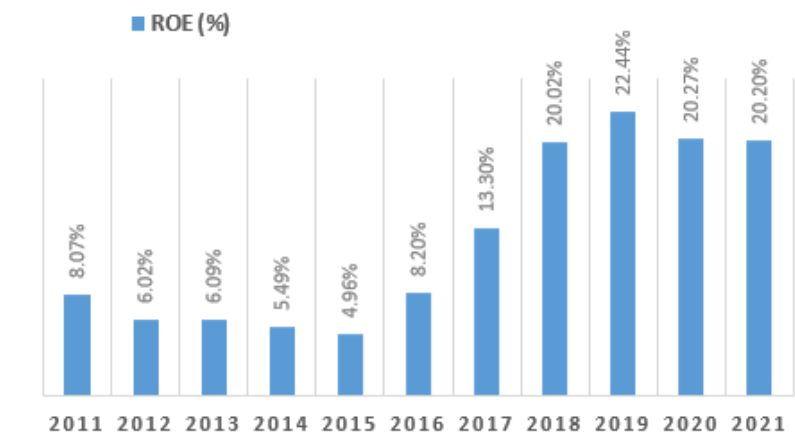
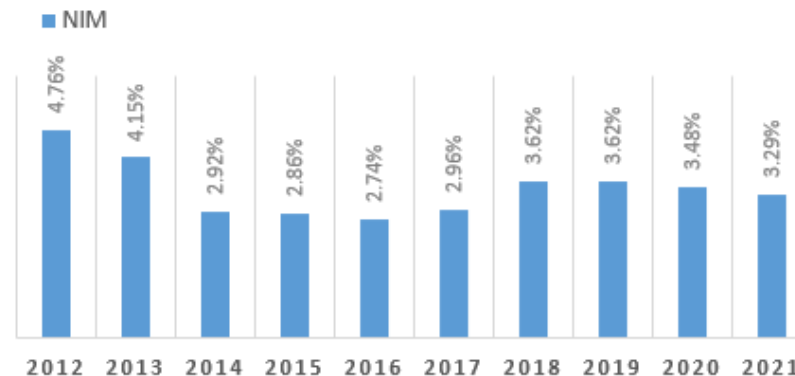
Giá mục tiêu: 34-37 (30%)

OCB là một trong những ngân hàng tầm trung có chất lượng quản trị tốt nhất trong hệ thống ngân hàng đã hoàn thành chất lượng Basel II sớm nhất và là một trong những ngân hàng có ROE cao nhất hệ thống.

Hiện room ngoại tại OCB còn 10% và Ngân hàng đang đàm phán với đối tác ngoại để bán tiếp phần còn lại, chốt room ngoại theo quy định dưới trần 30%. Kế hoạch phát hành riêng lẻ 70 triệu cổ phiếu sẽ là điểm hấp dẫn cho giá cổ phiếu trong ngắn hạn, dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

OCB đang đầu tư hệ thống số hóa Omni channel và đang dần hoàn thiện để đưa hệ thống thanh toán Omni đa kênh cạnh tranh hiệu quả nhất so với các hệ thống khác.

Định giá OCB hiện vẫn ở trong nhóm hấp dẫn nhất của cổ phiếu ngân hàng với PE chỉ khoảng 8.6 và P/Bv chỉ khoảng 1.7. Lợi nhuận OCB dự phóng 5,500 – 6,000 tỷ năm 2022 (tăng 30%).





Ngân hàng Quân Đội

EPS: 3361 PE: 10

BV: 16,538 P/Bv: 2.04

Khuyến nghị: Mua

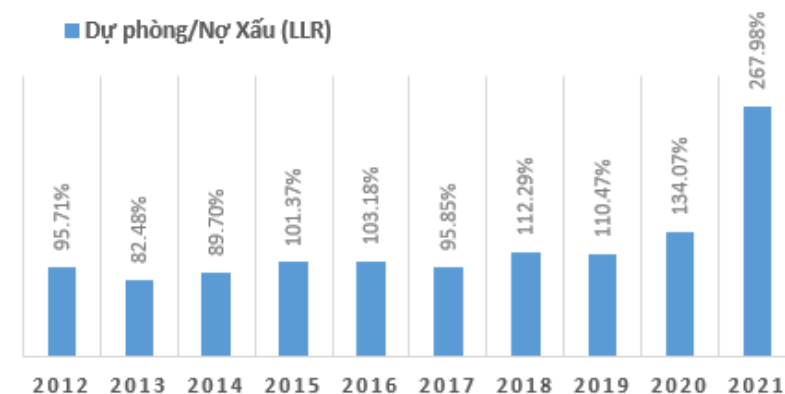
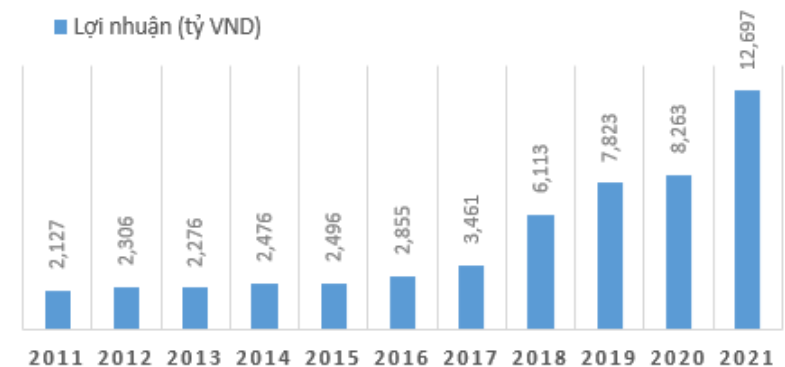
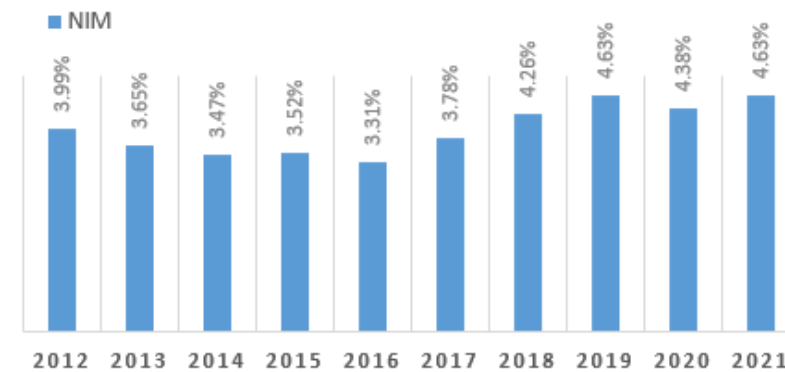
Giá mục tiêu: 40-50 (32%)

Năm 2021 MBB tăng vốn thành công lên 37,783 tỷ tương ứng 35% và đứng trong top đầu ngân hàng có vốn điều lệ cao nhất. Lộ trình tăng vốn của MBB vẫn tiếp tục diễn ra qua 3 giai đoạn và mục tiêu là sớm chạm mốc 2 tỷ USD trong năm 2022.

Lợi nhuận trong năm của MBB đạt mức kỷ lục gần 12,700 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ. MBB là một trong những ngân hàng có chi phí vốn thấp nhất với CASA cao kỷ lục 44.5% dẫn đến NIM cũng đạt 4.6% năm 2021. Lợi nhuận MBB dự báo đạt 17,000 – 18,000 tỷ năm 2022 (tăng 30%)

Nợ xấu MBB trong năm 2021 không tăng nhiều và tỷ lệ nợ xấu còn giảm về 0.9%. MBB đã tăng dự phòng nợ xấu lên mức kỷ lục 268%.

MBB đang đứng hàng nhóm đầu ngân hàng có vốn điều lệ cao nhất trong khi định giá vẫn đang ở mức hấp dẫn với PE ở mức 10 và P/Bv chỉ 2.04 – khá thấp so với các ngân hàng cùng cấp.





TECHCOMBANK

Ngân hàng Techcombank

EPS: 5138 PE: 10.3

BV: 26,505 P/Bv: 2

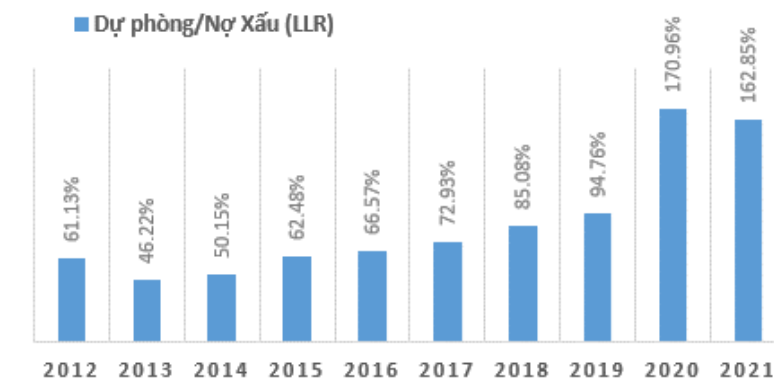
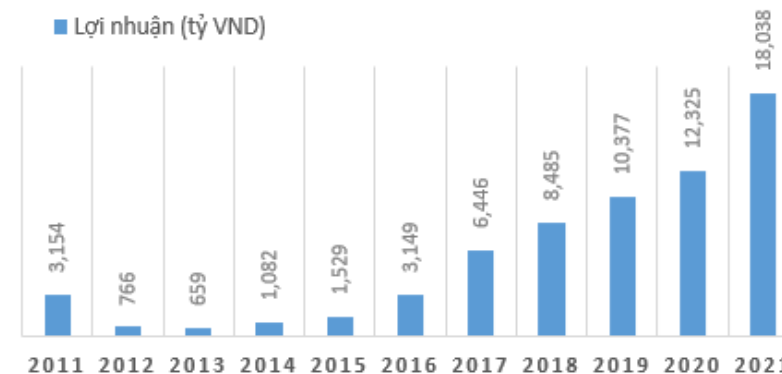
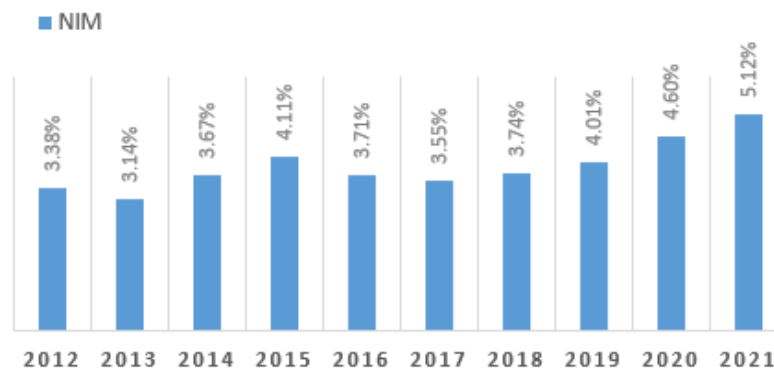
Khuyến nghị: Mua

Giá mục tiêu: 60-70 (35%)

Năm 2021, TCB là ngân hàng đạt lợi nhuận đứng thứ 2 hệ thống với trên 18 ngàn tỷ đồng và là một trong những ngân hàng đạt hiệu quả hoạt động cùng chất lượng tài sản tốt nhất. Nợ xấu tăng đáng kể trong năm 2021 nhưng tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức thấp 0.66% và Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của TCB đạt 162%.

NIM của TCB nằm trong nhóm đầu với 5.1% (chỉ sau VPB). Tỷ lệ Casa của TCB cũng cao nhất hệ thống với 47%. Techcombank đi đầu trong việc cung ứng và đưa các sản phẩm đa dạng lên ngân hàng số, bao gồm từ các tiện ích thanh toán hàng ngày tới cấp thẻ tín dụng phê duyệt trước, quản lý tài chính và mua bán các sản phẩm đầu tư.

Dự phóng tăng trưởng TCB tiếp tục lạc quan nhờ tăng trưởng Casa tiếp tục ở mức cao và NIM duy trì trên 5%. LNST ước tính giai đoạn 2022 là 23 – 25 ngàn tỷ đồng (+27% YoY).





Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy mọi hoạt động sao chép, tái sản xuất, phát hành bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào cần có văn bản chấp thuận của VIS.

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN

Hong Khanh khanhnh@vise.com.vn Sky: HongKhanh 

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931